

MÔ HÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP IELTS - MOS TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ: GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CHO NGUỒN NHÂN LỰC TRẺ TẠI VIỆT NAM

● ĐÀM KHẮC CỬ^{1*} - NGUYỄN VĂN ĐÔNG²

¹Trường Đại học Công đoàn

²Trường Đại học Tài chính - Marketing

Email: cudk@dhcd.edu.vn

TÓM TẮT:

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát thực chứng trên mẫu gồm 368 người học kết hợp với phỏng vấn sâu 20 giảng viên và chuyên gia quản lý tại Trường Đại học Công đoàn nhằm phân tích thực trạng và nhận diện các rào cản cấu trúc trong đào tạo tích hợp. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả phác thảo mô hình đào tạo tích hợp đột phá vận hành trên 3 trụ cột cốt lõi, gồm: (1) Chương trình lồng ghép nội dung và ngôn ngữ (CLIL), (2) Nền tảng quản trị học tập (LMS) đồng bộ, tập trung và (3) Cộng đồng học tập số tương tác ngoài giờ. Các hàm ý giải pháp không chỉ tối ưu hóa hiệu suất khai thác nguồn lực tài sản công của nhà trường, mà còn trực tiếp nâng cao tính sẵn sàng nghề nghiệp (Career Readiness) của người học trước các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường lao động quốc tế.

Từ khóa: IELTS, MOS, chuyển đổi số, đào tạo tích hợp, nguồn nhân lực trẻ, Trường Đại học Công đoàn.

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) cùng với làn sóng chuyển đổi số mạnh mẽ đang tái định hình cấu trúc thị trường lao động toàn cầu. Tại Việt Nam, nguồn nhân lực trẻ - đặc biệt là sinh viên khối ngành kinh tế, xã hội và luật - đang đứng trước những đòi hỏi khắt khe về tính đa năng. Yêu cầu của nhà tuyển dụng không còn dừng lại ở các tấm bằng chuyên môn đơn thuần, mà dịch chuyển mạnh mẽ sang nhóm năng lực cốt lõi bao gồm: Năng lực số (Digital Literacy) và Năng lực ngôn ngữ toàn cầu

(Global Language Proficiency). Trong đó, chứng chỉ tiếng Anh học thuật IELTS và chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) được xem là 2 thước đo chuẩn mực nhất.

Tuy nhiên, thực trạng công tác đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học hiện nay đang bộc lộ một nghịch lý mang tính hệ thống. Việc giảng dạy tiếng Anh và Tin học đang bị cô lập thành 2 phân môn độc lập, rời rạc cả về mặt không gian vật lý lẫn tư duy tiếp cận sư phạm. Sinh viên phải phân bổ quỹ thời gian và tài chính cá nhân để theo đuổi 2 lộ trình riêng biệt, dẫn

đến hiện tượng quá tải, hiệu quả ứng dụng thực chiến thấp và lãng phí nguồn lực xã hội. Đặc biệt, năng lực tự học trên môi trường số của sinh viên còn hạn chế do thiếu một bộ đỡ công nghệ mang tính đồng bộ và cá nhân hóa.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này đặt mục tiêu xây dựng một khung lý thuyết và giải pháp thực tiễn cho mô hình đào tạo tích hợp IELTS - MOS dựa trên nền tảng hệ sinh thái số. Nghiên cứu hướng tới việc tối ưu hóa lộ trình học tập, giúp sinh viên phát triển song hành 2 kỹ năng then chốt, từ đó nâng cao “chỉ số sẵn sàng nghề nghiệp” cho nguồn nhân lực trẻ trong bối cảnh tự chủ đại học tại Trường Đại học Công đoàn.

2. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm về “Năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trẻ”

Năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trẻ trong kỷ nguyên số không còn được định nghĩa bằng khối lượng kiến thức đóng băng, mà bằng khả năng thích ứng linh hoạt và năng lực giải quyết vấn đề phức hợp trên môi trường công nghệ. Theo Khung năng lực thế kỷ 21, sự kết hợp biện chứng giữa công cụ tư duy phản biện (ngôn ngữ) và công cụ hành động (công nghệ thông tin) chính là chìa khóa tạo ra lợi thế cạnh tranh cốt lõi, giúp lao động trẻ khẳng định vị thế và không bị thay thế bởi các làn sóng tự động hóa hay trí tuệ nhân tạo (AI).

2.2. Vai trò của chuẩn quốc tế IELTS và MOS trong hồ sơ năng lực toàn cầu

IELTS không chỉ là chứng chỉ kiểm tra 4 kỹ năng ngôn ngữ thuần túy, mà bản chất là tư duy phản biện, xử lý, tổng hợp và phân tích số liệu học thuật bằng ngôn ngữ quốc tế. Trong khi đó, MOS cung cấp tư duy cấu trúc dữ liệu, tối ưu hóa quy trình xử lý văn bản, quản trị bảng tính và trình chiếu chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn toàn cầu của Microsoft.

Sự kết hợp giữa IELTS và MOS cấu thành một “hệ kỹ năng giao thoa”. Người sở hữu cả 2 chứng chỉ này thể hiện khả năng tiếp cận, giải mã tri thức nhân loại (thông qua công cụ IELTS) và năng lực số hóa, hiện thực hóa khối tri thức đó vào hiệu suất công việc thực tế (thông qua công cụ MOS).

2.3. Lý thuyết về Chuyển đổi số trong giáo dục và hệ sinh thái học tập số

Nghiên cứu dựa trên nền tảng lý thuyết học tập hỗn hợp và mô hình lớp học đảo ngược. Chuyển đổi số trong giáo dục không đơn thuần là số hóa tài liệu giấy, mà là việc tái cấu trúc hệ sinh thái học tập. Tại đó, dữ liệu học tập của học viên được liên thông, cá nhân hóa bằng các thuật toán thông minh và được quản trị đồng bộ thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS). Đây chính là nền tảng kỹ thuật then chốt cho phép việc lồng ghép 2 chương trình đào tạo khác nhau vào cùng một trục không gian số để tối ưu hóa thời gian cho người học.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu định lượng (khảo sát diện rộng) và nghiên cứu định tính (phỏng vấn chuyên gia) nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện và độ tin cậy của dữ liệu thực chứng.

3.1. Khảo sát định lượng

3.1.1. Đối tượng và Quy mô mẫu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát thực chứng diện rộng trên quy mô mẫu $N = 368$ người học hợp lệ. Đối tượng khảo sát bao gồm sinh viên đang theo học tại các khối ngành hệ chính quy và các học viên đang trong quá trình tích lũy chuẩn đầu ra tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Công đoàn. Nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu phi xác suất (thuận tiện có chủ đích) nhằm tiếp cận đúng nhóm đối tượng đang trực tiếp trải nghiệm cấu trúc chương trình đào tạo hiện hành, từ đó đảm bảo tính đại diện và độ sắc bén của dữ liệu.

3.1.2. Công cụ nghiên cứu

Sử dụng bảng hỏi cấu trúc thiết kế trên Google Forms vận hành theo thang đo Likert 5 mức độ (từ 1: Rất không đồng ý đến 5: Rất đồng ý). Nội dung tập trung đo lường: Mức độ sẵn sàng công nghệ, rào cản khi học rời rạc và kỳ vọng đối với mô hình tích hợp số.

3.1.3. Xử lý số liệu

Dữ liệu định lượng được làm sạch và xử lý bằng phần mềm SPSS. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbachs Alpha cho thấy tất cả các nhóm biến

đều đạt chỉ số lớn hơn 0.75, đảm bảo độ tin cậy cao để tiến hành phân tích thống kê mô tả.

3.2. Khảo sát định tính

3.2.1. Đối tượng

Tiến hành phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung với 20 giảng viên và chuyên gia quản lý thuộc các khoa chuyên môn (Khoa Ngoại ngữ, Khoa Công nghệ và Kỹ thuật) và Ban Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Trường Đại học Công đoàn.

3.2.2. Mục tiêu:

Thu thập các góc nhìn chuyên sâu mang tính kỹ trị về khung chương trình lồng ghép CLIL, tính pháp lý của chuẩn đầu ra kép và các rào cản kỹ thuật khi đồng bộ hóa hạ tầng hệ thống LMS dùng chung.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng và các rào cản trong đào tạo rời rạc

Kết quả thống kê mô tả từ 368 người học cho thấy, một thực trạng đáng quan ngại về tính hiệu quả của mô hình cũ. Có đến 74% người học thừa nhận gặp khó khăn nghiêm trọng trong việc cân bằng thời gian giữa học tiếng Anh và học Tin học văn phòng do lịch học chính khóa dày đặc. Điểm trung bình về mức độ nhận thức sự lãng phí tài chính và thời gian khi phải theo học tại hai trung tâm xã hội hóa rời rạc bên ngoài đạt mức 4.12/5.0.

Về phía dữ liệu định tính, đại đa số giảng viên và chuyên gia được phỏng vấn (tương ứng với 85% mẫu định tính) khẳng định phương thức dạy tách rời làm sụt giảm nghiêm trọng tính ứng dụng của cả hai kỹ năng:

Người học đạt điểm Đọc hiểu (Reading) IELTS cao nhưng khi đối mặt với giao diện phần mềm hoàn toàn bằng tiếng Anh chuyên ngành của bài thi MOS lại tỏ ra lúng túng.

Ngược lại, người học thành thạo các hàm toán học trong MOS Excel nhưng khi viết bài luận phân tích biểu đồ lại thiếu tư duy logic ngôn ngữ để diễn đạt xu hướng biến động dữ liệu.

4.2. Tương quan và tính hiệu quả của mô hình tích hợp

Nghiên cứu chỉ ra, việc tích hợp cấu trúc đào tạo IELTS và MOS tạo ra một chu trình cộng hưởng kỹ năng đào chiều mang lại hiệu quả vượt trội:

4.2.1. Dùng MOS để thực hành IELTS

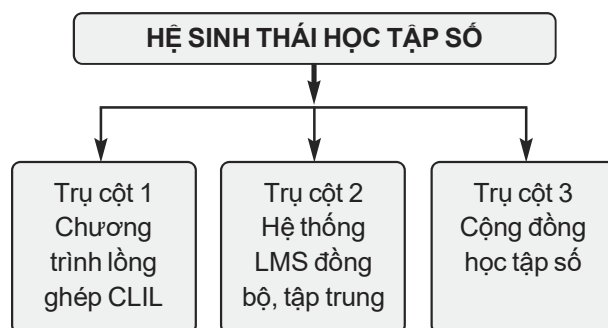
Sinh viên sử dụng Microsoft Word để luyện kỹ năng gõ, kiểm tra lỗi ngữ pháp và định dạng cấu trúc bài luận IELTS Writing; sử dụng PowerPoint để thiết kế slide và thuyết trình các chủ đề IELTS Speaking; sử dụng Excel để trực quan hóa dữ liệu biểu đồ cho bài viết IELTS Writing Task 1.

4.2.2. Dùng IELTS để tối ưu hóa MOS

Do toàn bộ giáo trình, thuật ngữ và hệ thống giả lập thi thử của MOS đều vận hành bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuẩn hóa, năng lực từ vựng học thuật của IELTS giúp sinh viên giải mã và đọc hiểu sâu sắc các câu lệnh phức tạp của hệ thống MOS một cách tự nhiên mà không cần phụ thuộc vào các bản dịch nghĩa thủ công.

4.3. Đề xuất Mô hình đào tạo tích hợp 3 trụ cột trên nền tảng số

Để hiện thực hóa việc đào tạo tích hợp, nghiên cứu đề xuất cấu trúc hệ sinh thái giáo dục số hóa ngay từ gốc dựa trên 3 trụ cột cốt lõi:



4.3.1. Trụ cột 1 - Chương trình đào tạo lồng ghép (CLIL)

Thiết kế ma trận bài giảng theo hướng tích hợp mục tiêu kép. Bài học về xử lý, quản trị dữ liệu trong MOS Excel đồng thời được sử dụng làm tài liệu thực chứng để dạy phân tích biểu đồ trong bài thi IELTS Writing Task 1. Sinh viên vừa học cách tối ưu hóa các hàm trong Excel, vừa học cách dùng từ vựng và cấu trúc tiếng Anh học thuật để diễn đạt xu hướng tăng, giảm của biểu đồ đó.

4.3.2. Trụ cột 2 - Hệ thống LMS đồng bộ, tập trung

Xây dựng nền tảng Portal học tập số dùng chung. Nền tảng này lưu trữ kho học liệu số tương tác và hệ

thống đề thi thử (Mock-test). Hệ thống tích hợp các thuật toán học máy và AI để phân tích hành vi học tập, tự động báo cáo lộ trình tiến bộ (Learning Curve) và đề xuất bài tập cá nhân hóa. Nếu sinh viên yếu từ vựng tin học, AI sẽ tự động điều hướng, đẩy thêm bài đọc hiểu IELTS về chủ đề công nghệ vào tài khoản người học.

4.3.3. Trụ cột 3 - Cộng đồng học tập số

Kiến tạo không gian tương tác học thuật ngoài giờ học thông qua diễn đàn trực tuyến Portal. Giảng viên đóng vai trò điều phối, định hướng; sinh viên vận hành theo mô hình làm việc nhóm để giải quyết các dự án thực tế. Ví dụ: Sinh viên cùng thiết kế một báo cáo nghiên cứu bằng tiếng Anh hoàn toàn trên Word và Excel đáp ứng các tiêu chuẩn định dạng khắt khe của bài thi MOS.

5. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho nguồn nhân lực trẻ

5.1. Nhóm giải pháp chính sách và chuẩn hóa đầu ra

Trường Đại học Công Đoàn cần mạnh dạn đổi mới quy chế đào tạo, tiến tới công nhận cơ chế "Chuẩn đầu ra kép" hoặc "Chuẩn đầu ra tích hợp số". Nhà trường nên ban hành quy định miễn giảm tín chỉ và điểm số đối với các học phần Tiếng Anh cơ sở và Tin học đại cương nếu sinh viên hoàn thành xuất sắc lộ trình đào tạo tích hợp IELTS - MOS tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học. Cơ chế đòn bẩy này sẽ tạo động lực kinh tế và học thuật rất lớn, thu hút dòng sinh viên quay trở lại gắn kết với dịch vụ đào tạo nội bộ của Trường.

5.2. Nhóm giải pháp công nghệ và khảo thí thông minh

Cần ưu tiên phân bổ ngân sách để nâng cấp phần mềm cho hệ thống hạ tầng phòng máy dùng chung hiện có. Tích hợp các công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI Feedback Loop) vào công tác chấm chữa bài tự động. Khi sinh viên nộp một bài phân tích biểu đồ bằng Word, AI sẽ đồng thời chấm điểm ngữ pháp, từ vựng theo tiêu chí chấm của IELTS, kết hợp chấm luôn kỹ năng định dạng văn bản, căn lề, chèn bảng theo thuật toán chấm của MOS. Hệ thống đánh giá phải chuyển dịch hoàn toàn sang trực tuyến

(E-testing) để tiệm cận 100% với giao diện thi thật của IDP/British Council và Certipoint.

5.3. Nhóm giải pháp kết nối doanh nghiệp và nâng cao năng lực đội ngũ

Sản phẩm đầu ra của mô hình đào tạo tích hợp phải khớp nổi khít khao với yêu cầu tuyển dụng thực tế của thị trường lao động. Để làm được điều này, nhà trường cần phá bỏ tư duy đào tạo khép kín, dịch chuyển mạnh mẽ sang mô hình đồng kiến tạo (Co-creation) với sự tham gia của 3 bên: Nhà trường - Tổ chức Công đoàn - Doanh nghiệp; song song với việc tái cấu trúc năng lực của đội ngũ sư phạm.

5.3.1. Thiết lập cơ chế hợp tác 3 bên (Nhà trường - Công đoàn - Doanh nghiệp)

Với lợi thế là trường đại học trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trường Đại học Công đoàn cần phát huy tối đa mối quan hệ hữu cơ với hệ thống Công đoàn các cấp, đặc biệt là Công đoàn các Khu công nghiệp - Khu chế xuất và Công đoàn các Tập đoàn kinh tế lớn.

Đồng kiến tạo học liệu thực chiến: Nhà trường cần chủ động ký kết các thỏa thuận hợp tác chiến lược (MOU) nhằm tiếp nhận các "bài toán thực tế" từ doanh nghiệp. Các dữ liệu thô về quản trị nhân sự, báo cáo tài chính, hay quy trình vận hành bằng tiếng Anh của doanh nghiệp (sau khi đã được mã hóa bảo mật) sẽ được chuyển hóa thành kho đề bài dự án, bài tập thực hành trên hệ thống LMS cho sinh viên.

Cam kết đầu ra và ưu tiên tuyển dụng: Tổ chức Công đoàn đóng vai trò là cầu nối bảo trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp ký kết cam kết ưu tiên tiếp nhận thực tập và tuyển dụng đối với những sinh viên sở hữu "Chuẩn đầu ra kép" (IELTS - MOS). Điều này tạo ra một vòng tuần hoàn bền vững: Doanh nghiệp có nguồn nhân lực chất lượng cao sử dụng được ngay; Nhà trường khẳng định được uy tín đào tạo; Tổ chức Công đoàn thực hiện tốt chức năng nâng cao vị thế và bảo vệ quyền lợi nghề nghiệp cho người lao động trẻ từ sớm.

5.3.2. Số hóa và "thực chiến hóa" bài tập dự án theo lát cắt thị trường

Mô hình đào tạo tích hợp chỉ thực sự phát huy

hiệu quả khi sinh viên nhìn thấy tính ứng dụng ngay lập tức của kiến thức vào công việc tương lai.

Tích hợp sâu trong bài tập lớn (Project-based learning): Thay vì các bài thi lý thuyết khô khan, sinh viên sẽ thực hiện các dự án nhóm mô phỏng môi trường công sở toàn cầu. Ví dụ: Sinh viên được yêu cầu đóng vai trò là chuyên viên phân tích thị trường của một tập đoàn bán lẻ, sử dụng MOS Excel để xử lý, làm sạch và trực quan hóa tập dữ liệu hàng nghìn dòng về hành vi người dùng; sau đó áp dụng tư duy logic và ngôn ngữ của IELTS Writing Task 1 để viết một bản báo cáo phân tích xu hướng bằng tiếng Anh hoàn chỉnh trên MOS Word.

Cách tiếp cận này giúp loại bỏ hoàn toàn tình trạng "học vẹt", giúp người học hình thành tư duy giải quyết vấn đề phức hợp (Complex Problem Solving) - một trong những năng lực cốt lõi được định hình trong Khung năng lực thế kỷ 21.

5.3.3. Tái cấu trúc và nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên liên ngành

Rào cản lớn nhất của mô hình tích hợp là sự khu biệt về chuyên môn: Giảng viên Ngoại ngữ thường thiếu sâu sắc về công cụ số, trong khi giảng viên Tin học lại gặp hạn chế về ngôn ngữ học thuật chuẩn quốc tế. Để giải quyết "điểm nghẽn" này, nhà trường cần triển khai các giải pháp quyết liệt:

Thành lập các Nhóm giảng dạy liên ngành (Interdisciplinary Teaching Teams): Tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn chung giữa Khoa Ngoại ngữ và Khoa Công nghệ thông tin để cùng thiết kế ma trận bài giảng CLIL. Trong một lớp học tích hợp hoặc một module trên LMS, sẽ có sự đồng hành điều phối của cả 2 nhóm giảng viên nhằm bổ khuyết năng lực cho nhau.

Chuẩn hóa năng lực công nghệ và làm chủ AI: Nhà trường cần định kỳ tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về năng lực dữ liệu, kỹ nghệ gợi ý và quản trị hệ thống LMS cho toàn bộ đội ngũ. Giảng viên

phải được trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ AI (như ChatGPT, các hệ thống chấm điểm tự động) như một trợ lý sư phạm để giảm tải áp lực chấm bài thủ công, tập trung thời gian vào việc điều phối, cố vấn và cá nhân hóa lộ trình học tập cho sinh viên. Giảng viên phải chuyển dịch từ vai trò "người truyền thụ tri thức" duy nhất sang vai trò "người thiết kế trải nghiệm học tập số".

6. Kết luận

Nghiên cứu đã khẳng định, trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện, mô hình đào tạo tích hợp IELTS - MOS không đơn thuần là một giải pháp kỹ thuật mang tính tình thế nhằm giảm tải áp lực cho người học, mà là một bước đi chiến lược mang tính tất yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh cho nguồn nhân lực trẻ tại Việt Nam. Việc phá vỡ ranh giới khu biệt truyền thống giữa ngôn ngữ và công nghệ thông qua hệ sinh thái số 3 trụ cột (CLIL - LMS - Cộng đồng số) không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực tài sản công của cơ sở giáo dục mà còn kiến tạo nên những "công dân số" toàn diện. Đây chính là lực lượng lao động có khả năng thích ứng cao, sẵn sàng hội nhập ngay lập tức vào chuỗi cung ứng lao động toàn cầu mà không mất thời gian và chi phí tái đào tạo từ phía doanh nghiệp và xã hội.

Hạn chế của nghiên cứu này là quy mô thực nghiệm mới chỉ dừng lại ở phạm vi khảo sát, đánh giá ban đầu tại Trường Đại học Công đoàn, do đó tính khái quát hóa cho toàn bộ hệ thống khối các trường đại học nói chung chưa cao. Hướng nghiên cứu tiếp theo của tác giả là triển khai áp dụng thí điểm đồng bộ mô hình tích hợp này vào một khóa học cụ thể tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Nhà trường. Từ đó, tác giả sẽ tiến hành các nghiên cứu dọc nhằm theo dõi, đo lường và đánh giá định lượng chính xác hiệu quả dài hạn của mô hình đối với tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành, cũng như mức độ hài lòng thực tế của các nhà tuyển dụng đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030".

Ngô Thúy Quỳnh (2021). Năng lực số của sinh viên Đại học trong kỷ nguyên hội nhập. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 42, 15-20.

Trịnh Xuân Vũ (2023). Ứng dụng Blended Learning trong đào tạo chứng chỉ quốc tế tại các trường đại học tự chủ. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 11, tr. 45-51.

Coyle D., Hood P., & Marsh D. (2010). CLIL: Content and Language Integrated Learning, Cambridge University Press, UK.

Partnership for 21st Century Skills (2015). Framework for 21st Century Learning. Available at https://www.marietta.edu/sites/default/files/documents/21st_century_skills_standards_book_2.pdf.

Ngày nhận bài: 05/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 05/6/2026

INTEGRATED IELTS - MOS TRAINING MODEL IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION: A SOLUTION TO ENHANCE COMPETITIVENESS OF YOUNG HUMAN RESOURCES IN VIETNAM

● **DAM KHAC CU^{1,*}**

● **NGUYEN VAN DONG²**

¹Trade Union University

²University of Finance - Marketing

*Email: cudk@dhcd.edu.vn

ABSTRACT:

This study conducts an empirical survey on a sample of 368 learners and in-depth interviews with 20 lecturers and management experts at Trade Union University to analyze the current situation and identify structural barriers in integrated training. Based on the findings, the study proposes an innovative integrated training model operating on three core pillars: (1) Content and Language Integrated Learning (CLIL), (2) a centralized and synchronized Learning Management System (LMS), and (3) an interactive digital learning community beyond classroom hours. The proposed solutions not only optimize the utilization of institutional resources but also directly enhance learners career readiness to meet the stringent requirements of the international labor market.

Keywords: IELTS, MOS, digital transformation, integrated training, young human resources, Trade Union University.